Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 1001.99

Mã HS	1001.99
Mô tả hàng hóa	Lúa mì và meslin / - Loại khác: / - - Loại khác:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	02/11/2026 13:04:46
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/100199/

5 dòng thuế thuộc 1001.99

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
1001.99.11	Lúa mì và meslin / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Thích hợp sử dụng cho người: / - - - - Meslin (SEN)	kg	5%	0%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
1001.99.12	Lúa mì và meslin / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Thích hợp sử dụng cho người: / - - - - Hạt lúa mì đã bỏ lớp vỏ ngoài cùng (SEN)	kg	5%	0%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
1001.99.19	Lúa mì và meslin / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Thích hợp sử dụng cho người: / - - - - Loại khác (SEN)	kg	5%	0%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
1001.99.91	Lúa mì và meslin / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Meslin	kg	5%	0%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
1001.99.99	Lúa mì và meslin / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác (SEN)	kg	5%	0%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.